

Số: /TB-TTHCC

Thanh Đông, ngày tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công khai danh mục thủ tục hành chính áp dụng mức thu phí, lệ phí 0 đồng khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến

Căn cứ Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 21/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu 0 đồng đối với phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Công văn số 13020/VP-HCC ngày 07/7/2026 của Văn phòng UBND tỉnh về việc công khai danh mục thủ tục hành chính áp dụng mức thu phí, lệ phí theo Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), đồng thời khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến, Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) xã Thạnh Đông thông báo như sau:

1. Công khai danh mục TTHC áp dụng mức thu phí, lệ phí 0 đồng

Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi áp dụng mức thu phí, lệ phí 0 đồng bao gồm:

- Ngành Nông nghiệp và Môi trường: 25 TTHC;
- Ngành Văn hóa và Thể thao: 19 TTHC;
- Ngành Tư pháp: 37 TTHC;
- Ngành Tài chính: 31 TTHC;
- Ngành Nội vụ: 06 TTHC;
- Ngành Xây dựng: 10 TTHC.

(Danh mục chi tiết kèm theo Thông báo này)

Danh mục TTHC được niêm yết công khai tại TTPVHCC xã và đăng tải trên Trang thông tin điện tử xã để tổ chức, cá nhân thuận tiện tra cứu, thực hiện.

2. Tổ chức thực hiện

- Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến; đồng thời tuyên truyền, phổ biến chính sách áp dụng mức thu phí, lệ phí 0 đồng theo quy định.

- Thực hiện niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính áp dụng mức thu phí, lệ phí 0 đồng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã; đồng thời đăng tải trên

Trang thông tin điện tử và các nền tảng thông tin chính thức của xã để người dân, doanh nghiệp thuận tiện tra cứu.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua hệ thống truyền thanh, Trang thông tin điện tử, mạng xã hội và các hình thức phù hợp nhằm nâng cao nhận thức, khuyến khích tổ chức, cá nhân ưu tiên thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến để được hưởng chính sách theo quy định.

Trung tâm Phục vụ hành chính công xã thông báo để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- CT và các PCT UBND xã;
- Các phòng chuyên môn thuộc UBND xã;
- Công chức, viên chức làm việc tại TTPVHCC;
- Niêm yết tại TTPVHCC xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Ánh Lý

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ 0 ĐỒNG
KHI THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
(Ngành Nông nghiệp và Môi trường)

*(Kèm theo Thông báo số 14 /TB-TTHCC ngày 23 tháng 7 năm 2026
của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Thạnh Đông)*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan giải quyết
1	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Chi cục Bảo vệ môi trường
2	1.010727	Cấp giấy phép môi trường	Chi cục Bảo vệ môi trường
3	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Chi cục Bảo vệ môi trường
4	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Chi cục Khoáng sản và Tài nguyên nước
5	1.013994	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	Văn phòng Đăng ký đất đai
6	1.013993	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014	Văn phòng Đăng ký đất đai
7	1.013995	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký; gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức, cá nhân nước ngoài	Văn phòng Đăng ký đất đai
8	1.013992	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Văn phòng Đăng ký đất đai
9	1.012795	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ	Văn phòng Đăng ký đất đai
10	1.013980	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo các trường hợp quy định	Văn phòng Đăng ký đất đai
11	1.013977	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức...	Văn phòng Đăng ký đất đai

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan giải quyết
12	1.012808	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất	Văn phòng Đăng ký đất đai
13	1.012768	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất...	Văn phòng Đăng ký đất đai
14	1.013831	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho...	Văn phòng Đăng ký đất đai
15	1.012791	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất phát hiện và cấp lại	Văn phòng Đăng ký đất đai
16	1.012787	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng trong dự án bất động sản	Văn phòng Đăng ký đất đai
17	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	Văn phòng Đăng ký đất đai
18	1.012785	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/8/2024 mà chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền	Văn phòng Đăng ký đất đai
19	1.012784	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	Văn phòng Đăng ký đất đai
20	1.012793	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên hộ gia đình hoặc cá nhân thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh	Văn phòng Đăng ký đất đai
21	1.012790	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Văn phòng Đăng ký đất đai
22	1.012783	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Văn phòng Đăng ký đất đai
23	1.012782	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích đất ở trước ngày 01/7/2004...	Văn phòng Đăng ký đất đai
24	1.012781	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	Văn phòng Đăng ký đất đai
25	1.012766	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	Văn phòng Đăng ký đất đai

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ 0 ĐỒNG
KHI THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
(Ngành Văn hóa và Thể thao)

*(Kèm theo Thông báo số 14 /TB-TTHCC ngày 23 tháng 7 năm 2026
của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Thạnh Đông)*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan giải quyết
1	1.002445	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Sở Văn hóa và Thể thao
2	1.002396	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	Sở Văn hóa và Thể thao
3	1.003441	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	Sở Văn hóa và Thể thao
4	1.000983	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Sở Văn hóa và Thể thao
5	1.001195	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Sở Văn hóa và Thể thao
6	1.000904	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	Sở Văn hóa và Thể thao
7	1.000883	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	Sở Văn hóa và Thể thao
8	1.000830	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	Sở Văn hóa và Thể thao
9	1.000842	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	Sở Văn hóa và Thể thao
10	2.002188	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng	Sở Văn hóa và Thể thao
11	1.000560	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	Sở Văn hóa và Thể thao
12	1.000544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam	Sở Văn hóa và Thể thao
13	1.000485	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	Sở Văn hóa và Thể thao

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan giải quyết
14	1.001801	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	Sở Văn hóa và Thể thao
15	1.005162	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Sở Văn hóa và Thể thao
16	1.001517	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	Sở Văn hóa và Thể thao
17	1.001056	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	Sở Văn hóa và Thể thao
18	1.001213	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	Sở Văn hóa và Thể thao
19	1.005357	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	Sở Văn hóa và Thể thao

PHỤ LỤC III
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ 0 ĐỒNG
KHI THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
(Ngành Tư pháp)

*(Kèm theo Thông báo số 14 /TB-TTHCC ngày 23 tháng 7 năm 2026
của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Thạnh Đông)*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan giải quyết
1	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	UBND cấp xã
2	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	UBND cấp xã
3	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	UBND cấp xã
4	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	UBND cấp xã
5	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	UBND cấp xã
6	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	UBND cấp xã
7	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	UBND cấp xã
8	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	UBND cấp xã
9	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	UBND cấp xã
10	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	UBND cấp xã
11	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	UBND cấp xã
12	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	UBND cấp xã
13	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	UBND cấp xã
14	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	UBND cấp xã
15	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	UBND cấp xã
16	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	UBND cấp xã
17	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	UBND cấp xã
18	1.005461	Đăng ký lại khai tử	UBND cấp xã

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan giải quyết
19	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	UBND cấp xã
20	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	UBND cấp xã
21	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	UBND cấp xã
22	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	UBND cấp xã
23	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	UBND cấp xã
24	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	UBND cấp xã
25	1.004837	Thủ tục đăng ký giám hộ	UBND cấp xã
26	1.004827	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	UBND cấp xã
27	1.000080	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	UBND cấp xã
28	1.000094	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	UBND cấp xã
29	1.000110	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	UBND cấp xã
30	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	UBND cấp xã
31	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	UBND cấp xã
32	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	UBND cấp xã
33	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	UBND cấp xã
34	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	UBND cấp xã
35	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	UBND cấp xã
36	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn	UBND cấp xã
37	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND cấp xã

PHỤ LỤC IV
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ 0 ĐỒNG
KHI THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
(Ngành Tài chính)

*(Kèm theo Thông báo số 14 /TB-TTHCC ngày 23 tháng 7 năm 2026
của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Thạnh Đông)*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan giải quyết
1	1.014371	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã	UBND xã, phường, đặc khu
2	2.002226	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	UBND xã, phường, đặc khu
3	2.002228	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	UBND xã, phường, đặc khu
4	2.002668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	UBND xã, phường, đặc khu
5	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	UBND xã, phường, đặc khu
6	2.002636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	UBND xã, phường, đặc khu
7	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	UBND xã, phường, đặc khu
8	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	UBND xã, phường, đặc khu
9	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	UBND xã, phường, đặc khu
10	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	UBND xã, phường, đặc khu
11	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Giấy chứng nhận	UBND xã, phường, đặc khu

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan giải quyết
		đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	
12	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	UBND xã, phường, đặc khu
13	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	UBND xã, phường, đặc khu
14	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	UBND xã, phường, đặc khu
15	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	UBND xã, phường, đặc khu
16	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	UBND xã, phường, đặc khu
17	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	UBND xã, phường, đặc khu
18	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	UBND xã, phường, đặc khu
19	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	UBND xã, phường, đặc khu
20	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	UBND xã, phường, đặc khu
21	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	UBND xã, phường, đặc khu
22	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	UBND xã, phường, đặc khu
23	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	UBND xã, phường, đặc khu

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan giải quyết
24	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	UBND xã, phường, đặc khu
25	1.014034	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	UBND xã, phường, đặc khu
26	1.014035	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	UBND xã, phường, đặc khu
27	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	UBND xã, phường, đặc khu
28	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	UBND xã, phường, đặc khu
29	1.001570	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	UBND xã, phường, đặc khu
30	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	UBND xã, phường, đặc khu
31	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	UBND xã, phường, đặc khu

PHỤ LỤC V
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ 0 ĐỒNG
KHI THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
(Ngành Nội vụ)

*(Kèm theo Thông báo số 14 /TB-TTHCC ngày 23 tháng 7 năm 2026
của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Thạnh Đông)*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan giải quyết
1	1.014197.H01	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	UBND tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND tỉnh quyết định phân cấp
2	1.014198.H01	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	UBND tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND tỉnh quyết định phân cấp
3	1.014199.H01	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	UBND tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND tỉnh quyết định phân cấp
4	1.014200.H01	Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	UBND tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND tỉnh quyết định phân cấp
5	1.014201.H01	Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	UBND tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND tỉnh quyết định phân cấp
6	1.014197.H01	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam <i>(trùng với STT 1 trong phụ lục)</i>	UBND tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND tỉnh quyết định phân cấp

PHỤ LỤC VI
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ 0 ĐỒNG
KHI THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
(Ngành Xây dựng)

*(Kèm theo Thông báo số 14 /TB-TTHCC ngày 23 tháng 7 năm 2026
của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Thạnh Đông)*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan giải quyết
1	1.013233	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyển/theo tuyển trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/dự án)	Sở Xây dựng tỉnh hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang
2	1.013235	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyển/theo tuyển trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/dự án)	Sở Xây dựng tỉnh hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang
3	1.013238	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyển/theo tuyển trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/dự án)	Sở Xây dựng tỉnh hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang
4	1.013236	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyển/theo tuyển trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/dự án)	Sở Xây dựng tỉnh hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang
5	1.013230	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (công trình không theo tuyển/theo tuyển trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/dự án)	Sở Xây dựng tỉnh hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang
6	1.013231	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyển/theo tuyển trong đô thị/tín ngưỡng, tôn	Sở Xây dựng tỉnh hoặc Ban Quản lý

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan giải quyết
		giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án)	Khu kinh tế tỉnh An Giang
7	1.013227	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ	UBND cấp xã
8	1.013228	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ	UBND cấp xã
9	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ	UBND cấp xã
10	1.013225	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ	UBND cấp xã